

ẢNH HƯỞNG VĂN HÓA NHẬT TRONG VĂN HỌC QUA CÁC BIỂU TƯỢNG TRONG TIỂU THUYẾT CỔ ĐÔ CỦA KAWABATA

Nguyễn Thị Thanh Nga¹

TÓM TẮT

Bài viết nhằm tìm hiểu những biểu hiện của yếu tố văn hóa Nhật Bản trong tiểu thuyết Cổ đô của Kawabata thông qua các biểu tượng nổi bật: “cổ đô”, “kimono”, “hoa anh đào”. Xuất phát từ quan niệm sáng tác nghệ thuật và mong muốn kiến tạo các giá trị văn hóa thông qua hệ thống biểu tượng của nhà văn, nên việc lựa chọn và giải mã các biểu tượng trong tác phẩm là cách tiếp cận phù hợp giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn về vẻ đẹp văn hóa và con người Nhật Bản.

Từ khóa: *Biểu tượng, Văn hóa Nhật Bản, tiểu thuyết Cổ đô, Kawabata.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học là một bộ phận của văn hóa, chịu chi phối ảnh hưởng trực tiếp từ văn hóa đồng thời là phương diện tồn tại và bảo lưu văn hóa. Chúng tôi nhận thấy, tác phẩm của Kawabata là những chỉnh thể nghệ thuật ngôn từ độc đáo, tái hiện một cách sinh động đời sống tinh thần dân tộc, là sản phẩm kết tinh cao nhất của văn hóa một tộc người, một đất nước. Vì vậy, việc tìm hiểu và khám phá những ảnh hưởng văn hóa trong tác phẩm của nhà văn là việc làm cần thiết. Mỗi quốc gia, dân tộc trên thế giới đều có những nét đặc sắc riêng về văn hóa và yếu tố tạo nên sắc diện văn hóa đó chính là các biểu tượng. Do đó để khám phá ra vẻ đẹp của mỗi dân tộc không gì khác hơn là tìm hiểu về biểu tượng văn hoá. Có thể nói, việc sử dụng biểu tượng để dẫn dắt mạch cảm xúc của nhân vật cũng như duy trì kết cấu toàn bộ tác phẩm là thủ pháp đặc trưng cho nhiều tác phẩm của Kawabata, trong đó có tác phẩm Cổ đô.

2. NỘI DUNG

2.1. Biểu tượng và biểu tượng văn hóa

2.1.1. Biểu tượng

Biểu tượng là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu lí luận nhắc đến, trở thành hướng nghiên cứu phổ biến và đã đạt được nhiều thành tựu nhất định trong vấn đề tương tác: ngôn ngữ - văn hóa - văn học. Theo Từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học do Hoàng Phê chủ biên, *biểu tượng* có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là “*hình ảnh tượng trưng*”, nghĩa thứ hai là “*hình thức của nhận thức, cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh sự vật còn giữ lại trong đầu óc khi tác động của sự vật vào giác quan ta đã chấm dứt*” [12; tr.67]. Như vậy có thể coi *biểu tượng* là những hình ảnh tượng trưng do con người tạo ra, tồn tại trong đời sống con người và có tác động đến đời sống văn hóa của con người.

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email:nguyenthithanhnga@hdu.edu.vn

Biểu tượng trong văn học là loại biểu tượng mang tính đa nghĩa và được xây dựng bằng ngôn từ nghệ thuật. “*Các hình ảnh hiện ra trong tác phẩm văn chương tự nó trở thành các kí hiệu, tín hiệu nghệ thuật để tái hiện con người và cuộc đời một dân tộc*” [3; tr.17]. Theo nghĩa rộng, tác phẩm văn học là một biểu tượng, là một ký hiệu thẩm mỹ mà tác giả gửi đến cho người đọc. Việc giải mã biểu tượng góp phần giúp chúng ta hiểu được những giá trị riêng biệt mà tác phẩm mang lại. Theo nghĩa hẹp, biểu tượng trong một tác phẩm văn học là một *nhân vật* đặc biệt, được hiện diện dưới nhiều hình thức khác nhau, có thể là con vật, đồ vật, hình ảnh, hình tượng... gọi chung là các dạng thức biểu hiện ý nghĩa của tác phẩm văn học. Xét ở góc độ này, biểu tượng là một thủ pháp đặc biệt để tác giả thể hiện ý đồ sáng tạo của mình. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi cũng lựa chọn tiếp cận biểu tượng trong tiểu thuyết *Cố đô* của Kawabata từ góc độ này.

2.1.2. Biểu tượng văn hóa

Văn hoá là một khái niệm mang nội hàm rộng với nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất, tinh thần của con người. Hiện nay có rất nhiều định nghĩa về văn hoá, mỗi định nghĩa phản ánh một cách nhìn nhận và đánh giá khác nhau. Nhưng nhìn trong tổng thể chúng tôi nhận thấy có những nét tương đồng “*Văn hoá là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do con người tác động đến tự nhiên - xã hội và bản thân trong quá trình lịch sử lâu dài. Nó tích tụ và thể hiện diện mạo, bản sắc của cộng đồng*” [3; tr.26]. Vì vậy, dù chính thức khẳng định hay ngầm định các nhà nghiên cứu văn hoá đều quan tâm đến những biểu tượng văn hoá bởi lẽ nó là đơn vị cơ bản của văn hoá, là hạt nhân di truyền xã hội và quan trọng hơn là nó sinh ra nhờ năng lực biểu tượng hoá của con người. Con người tư duy bằng biểu tượng, giao tiếp bằng biểu tượng và thể hiện tâm tư, tình cảm sâu kín nhất cũng như những thăng hoa, những khát vọng của mình cũng bằng biểu tượng. Vì thế khi ta lí giải được những biểu tượng văn hoá có nghĩa là ta đã tìm thấy những giá trị khoa học và nhân văn của cả dân tộc.

2.2. Văn hóa Nhật qua biểu tượng trong *Cố đô*

Văn hóa Nhật thiên về tình cảm và cái đẹp. Chúng tôi nhận thấy, trong từng văn phẩm của Kawabata luôn thấm đẫm giá trị văn hóa truyền thống lâu đời xứ Phù Tang, cái đẹp luôn được ca ngợi, đề cao và trân trọng. Thế giới biểu tượng và những tinh hoa về đẹp Nhật được Kawabata thể hiện độc đáo và sâu sắc qua tiểu thuyết *Cố đô* - một trong ba tác phẩm đoạt giải Nobel vào năm 1968. Tiểu thuyết *Cố đô* là một thế giới muôn màu muôn vẻ về thiên nhiên, cuộc sống và con người Nhật, với tất cả tấm lòng say mê, trân trọng và ngợi ca của tác giả. *Cố đô* nhẹ nhàng giống như một bài thơ trữ tình chứa cảm xúc cùng những suy tư, trăn trở của nhà văn về số phận của cái đẹp truyền thống trước những biến động đương thời. Giải mã thế giới biểu tượng trong tiểu thuyết *Cố đô* giúp chúng ta có cái nhìn đúng đắn và toàn diện hơn về vẻ đẹp đất nước và con người Nhật Bản. Lựa chọn tìm hiểu ảnh hưởng văn hóa Nhật trong văn học thông qua việc giải mã các biểu tượng trong tác phẩm *Cố đô*, bởi chúng tôi nhận thấy vẻ đẹp văn hóa truyền thống và đặc trưng tư duy của con người Nhật Bản được thể hiện khá độc đáo và có sức hấp dẫn.

2.2.1. *Cố đô (Kyoto) - không gian văn hóa truyền thống, biểu tượng cho kí ức dân tộc, cho giá trị của quá khứ*

Kyoto, kinh đô cũ của Nhật Bản, chính là bối cảnh thực của tiểu thuyết này. Xa xưa, tên của miền đất này là Heian, nghĩa là hoà bình, yên ổn. Heian chính thức được Thiên hoàng Kanmu chọn làm kinh đô của Nhật kể từ năm 794. Trong suốt gần bốn thế kỷ (794-1185) là trung tâm của Nhật Bản, Heian đã phát triển cực thịnh. Đi vào sáng tác của Kawabata, vùng đất thơ mộng, cổ kính này trở thành nơi lưu giữ những vẻ đẹp văn hóa truyền thống của Nhật Bản. *Kyoto* - một thành phố mà cho tới tận ngày nay vẫn còn giữ được trên 1600 ngôi chùa đạo Phật, hàng trăm ngôi đền của đạo Shinto. Đây được ví là một viện bảo tàng lịch sử của người Nhật. Cốt lõi ấy vẫn còn, nhưng dưới sự tấn công tàn bạo của văn hóa Phương Tây, của bê tông, nhựa đường, ô nhiễm và giao thông đông đúc, tất cả những gì là biểu tượng cho cái gọi là nền “văn minh hiện đại”, *Kyoto* cổ xưa đang ngày bị tàn lụi. Sự hài hòa được tạo ra qua bao thế kỉ đang bị mai một. Do đó, Kawabata viết về *Cố đô* trong tâm thức của một con người tha thiết yêu những giá trị của quá khứ, muốn níu giữ tất cả những gì là *cái đẹp*, là truyền thống, hồn cốt của dân tộc.

Trong tác phẩm, *Cố đô* hiện lên là một thành phố cổ kính, rêu phong. Ngay mở đầu tác phẩm, dáng vẻ xưa cũ ấy đã xuất hiện trong khu vườn nhỏ của gia đình Chieko với cây phong cổ thụ “*thân mọc đầy rêu xanh, lớp vỏ chai sần, nứt nẻ*”, với hình ảnh ngôi nhà “*kiểu cách Kyoto xưa với hàng rào quét sơn Ấn Độ và khung cửa con có khung chấn song ken dày ở tầng hai*”. Đó là thành phố của những danh lam thắng cảnh, của lễ hội, chùa chiền, những phong tục; là thành phố của những bộ áo kimono truyền thống tuyệt đẹp; là thế giới muôn màu của những chiếc thắt lưng, được dệt nên từ những chất liệu tơ sợi mềm mại từ thiên nhiên, hay những ngôi nhà cổ, kiến trúc được xây dựng bằng những đường nét tuyệt mỹ đến vô ngần. Đọc tác phẩm chúng ta được chiêm ngưỡng, khám phá vẻ đẹp đầy mê hoặc của *Cố đô Kyoto*. *Cố đô* trở thành một biểu tượng đặc biệt. Đó là sự tổng hợp của nhiều biểu tượng nhỏ khác làm nên biểu tượng chung về một không gian văn hóa cổ truyền Nhật Bản. “*Kyoto là thành phố lớn với những cây cối đẹp đến sững sờ. Không sao tả được cái tuyệt mỹ nơi khu vườn bao quanh biệt thự hoàng gia cạnh chùa Xingakuin, cánh rừng thông bên hoàng cung, bao nhiêu vật vườn mênh mang của những ngôi chùa cổ, chính chúng là điều trước nhất đập vào mắt du khách*” [10; tr.612]. Trong tác phẩm, độc giả còn dễ dàng nhận thấy, quá khứ hiện ra sinh động trong hiện tại dưới hình thức các lễ hội: “*Ở Kyoto là nơi có bao nhiêu chùa cổ Phật giáo và Thần đạo như thế, hầu như không ngày nào là không có hội chùa lớn nhỏ. Cứ trông lịch tháng năm là đủ thấy - chả có ngày nào không khỏi ngày lễ*” [10; tr.631]. Ngoài ba ngày lễ chính là Lễ Ki Nguyên, lễ Cầm Quỳ và lễ Ghion, Kyoto còn có nhiều ngày lễ lớn nhỏ: lễ Lửa, lễ Chặt trúc, lễ Daimonji... Kawabata say sưa tự hào khi nói về thành cổ Kyoto và kể về các lễ hội truyền thống, đây chính là nguồn cảm hứng bất tận cho sáng tạo của nhà văn.

Không gian nên thơ, cổ kính của *Cố đô* không chỉ được lấy làm bối cảnh chính cho một câu chuyện buồn mà theo một số nhà nghiên cứu nó là “một nhân vật chính của tác phẩm”. Kí ức về những giá trị văn hóa truyền thống được gắn với câu chuyện của hai chị em sinh đôi Naeko và Chieko. Theo một hủ tục thời xưa ở Nhật Bản, việc sinh hai đứa con như vậy đem lại nhiều vận rủi cho gia đình nên bố mẹ đã bỏ Chieko trước cửa hiệu bán vải

của nhà Takichiro. Ông bà Takichiro nhận cô bé làm con nuôi và coi cô bé như con đẻ. Chieko lớn lên trong tình yêu thương của bố mẹ nuôi và tuổi thơ cứ êm đềm trôi qua mà chưa từng hoài nghi về thân phận của mình. Cho đến khi Chieko học hết trung học, bà Takichiro mới tiết lộ sự thật về nguồn gốc cho cô nghe. Từ đó, những xáo trộn trong suy nghĩ, tình cảm luôn day dứt, ám ảnh Chieko. Cô luôn băn khoăn day dứt về thân phận, về những người thân ruột thịt của mình. Trong một buổi đi dự lễ hội, Chieko tình cờ gặp một cô gái xinh đẹp giống hệt mình, và trong dự cảm Chieko biết đó chính là người chị em sinh đôi của mình. Từ đó cô thường đến làng Bắc Sơn để gặp người chị em của mình. Qua Naeko, Chieko biết cha mẹ họ đã mất. Naeko kiếm sống rất vất vả. Với tấm lòng nhân hậu, ông bà Takichiro mong muốn Naeko về sống cùng với họ. Nhưng Naeko đã từ chối lời đề nghị ấy. Tác phẩm kết thúc khi cả thành phố Tokyo còn chìm trong giấc ngủ hai chị em chia tay nhau trong một buổi sớm sương mù giăng trắng xóa,... Không gian *Cố đô* mang vẻ đẹp của một xứ sở huyền thoại, nhưng linh hồn của Cố đô, vẻ đẹp thực sự của thành phố cổ kính này lại là vẻ đẹp tâm hồn và nếp sống của những con người nơi đây. Đó là chàng trai Hiedo thông minh nhẩn nại, một trong những thợ dệt đai áo kimono giỏi nhất vùng *Cố đô*. Chàng có một trái tim yêu rất đôi chân thành. Đó là cô gái Chieko có tâm hồn tinh tế nhạy cảm, trái tim chan chứa yêu thương. Ở xứ sở huyền thoại này, con người ứng xử với con người, con người ứng xử với thiên nhiên đầy nét tinh tế, tao nhã. Đặc biệt, hình ảnh ông chủ hãng dệt Takichiro với tâm hồn nhạy cảm, là một con người tiêu biểu đích thực của vùng đất giàu giá trị văn hóa này. Ông Takichiro rất tha thiết với những giá trị truyền thống của Nhật Bản đặc biệt là những chiếc đai áo kimono. Ông đã vào ở ẩn trong chùa để học thiết kế những mẫu vẽ kimono độc đáo mặc dù ông là một nhà kinh doanh tư lự. Là một người con của đất Cố đô, sống và tôn thờ các giá trị truyền thống, trước thay đổi của thời cuộc ông đau đớn vì bất lực, thờ dài và nuối tiếc trước sự suy tàn quá đổi nhanh chóng của văn hóa đất *Cố đô*.

Câu chuyện trong *Cố đô* tưởng chừng như chỉ xoay quanh cuộc hội ngộ bất ngờ đầy thú vị của hai chị em sinh đôi Chieko và Naeko, nhưng trong đó Kawabata đặt những vấn đề có tầm ảnh hưởng lớn lao. Đó là khát vọng gìn giữ những nét đẹp cổ kính, những giá trị truyền thống và văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Những biến chuyển mạnh mẽ đầu thế kỉ XX đã làm lung lay nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp ngàn đời cũng như đời sống xã hội Nhật Bản. Vì thế, *Cố đô* đã trở thành biểu tượng cho kí ức dân tộc, cho những giá trị của quá khứ, và cho những truyền thống đã trở thành bản sắc của xứ sở Phù Tang. Tên gọi *Cố đô* tự nó đã gợi lên một niềm xưa cũ hay một hoài vọng quá khứ, nó mang tính mỹ cảm cổ điển Phương Đông. Kawabata viết về kinh đô xưa trong làn sóng Mỹ hoá ồn ào sau chiến tranh Thế giới lần thứ hai với khát vọng gìn giữ những nét đẹp cổ kính của dân tộc trong quá trình hiện đại hoá. Những cửa tiệm yên tĩnh cổ kính trước đây vốn là vẻ đẹp của Kyoto một thời được thay thế bằng những khách sạn lộng lẫy. Biểu tượng của vẻ đẹp truyền thống được thay thế bằng biểu tượng của nền văn minh công nghiệp. Điều này cho thấy *Cố đô* là miền đất linh thiêng trong hoài niệm của nhà văn.

Cố đô có thể coi là một trong những nơi lưu giữ giá trị văn hóa đậm đà tính dân tộc nhất trong số các kiệt tác của Kawabata. Kyoto thực sự trở thành biểu tượng cho kí ức dân tộc, cho những giá trị của quá khứ, có ý nghĩa nhắc nhở mỗi người phải luôn hướng về, gìn giữ và trân trọng.

2.2.2. Kimono - biểu tượng của tâm hồn, tính cách dân tộc Phù Tang

Kyoto - cố đô của nước Nhật, nơi hội tụ của vẻ đẹp văn hóa truyền thống đã hiện ra sinh động đầy tự hào trong mỗi trang văn của Kawabata. Đây chính là yếu tố làm nên sức hấp dẫn mãnh liệt cho các sáng tác của nhà văn. Đây không chỉ là thành phố của những danh lam thắng cảnh, của lễ hội, chùa chiền, mà đây còn là thành phố của những bộ áo kimono truyền thống tuyệt đẹp.

Kimono là trang phục truyền thống không thể thiếu trong văn hoá của nước Nhật. Những hoạ tiết trên áo được xem là một tiểu vũ trụ đầy tính nghệ thuật và mang giá trị tinh thần cao. Màu sắc của trang phục kimono Nhật Bản truyền thống thường để biểu thị cho các mùa trong năm, mỗi một tầng lớp trong xã hội cũng có một loại màu áo kimono riêng. Áo kimono cho phụ nữ thường có các hoạ tiết hoa, lá và các biểu tượng thiên nhiên khác, phản ánh tình yêu thiên nhiên của người Nhật Bản. Tùy theo tuổi tác của người mặc mà màu sắc được chú ý rất nghiêm ngặt, những màu có gốc sáng, đặc biệt là màu đỏ, được dùng cho trẻ em và phụ nữ trẻ chưa chồng. Đối với người dân thường, khi mặc kimono vào các dịp lễ tết, họ phải đeo một mảnh vải nhỏ có trang trí con dấu riêng của gia đình ở tay áo. Đây là một kiểu trang phục đặc trưng riêng mà người Nhật luôn hãnh diện và tự hào về nó. Thông qua sự mô tả của Kawabata trong *Cố đô* độc giả như còn phân biệt được đâu là trang phục kimono cho mùa hè và đâu là kimono cho mùa đông, hay trang phục kimono nào là trang phục khi đi lễ hội và khi lao động hay tiếp khách... mỗi một loại trang phục kimono đều được hiện lên sắc sỡ và đầy màu sắc. Kimono trở thành biểu tượng cho tâm hồn và tính cách của cả dân tộc Phù Tang. Dù nghề dệt kimono thủ công không được chọn là một trong những con đường của cái đẹp như Trà đạo, Hoa đạo, Kiếm đạo... nhưng nó vẫn phảng phất vẻ đẹp của những con đường thẩm mỹ nói trên. Nó chính là vẻ đẹp tinh thần, vẻ đẹp của chiều sâu, sự tinh tế trong từng nét vẽ và từng sợi thắt lưng truyền thống của xứ sở hoa anh đào. Nó trở thành biểu tượng cho tâm hồn tính cách của dân tộc Nhật Bản. Do vậy, khám phá vẻ đẹp truyền thống của kimono chúng ta có thể nhận thức được một cách sâu sắc về cuộc sống, con người Nhật Bản.

Có thể nói, một chiếc kimono là một công trình nghệ thuật, mà ở đó cần đến bàn tay của một người nghệ sĩ khéo léo, tài ba giàu tâm huyết tạo nên. Nó là tâm hồn, tính cách Nhật, bởi ở đó không có sự cầu kì, sắc sỡ mà kimono nổi bật bởi vẻ đẹp giản dị, đó là vẻ đẹp thường ngày, mong manh hòa hợp cùng với thiên nhiên, đất trời. Trong *Cố đô*, Kawabata gọi Kyoto là thành phố *Kimono*, là vương quốc của những chiếc thắt lưng muôn màu muôn vẻ, được dệt nên từ những chất liệu tơ sợi mềm mại từ thiên nhiên. Yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp, trân trọng những gì thuộc về truyền thống, đó chính là điểm nổi bật trong tâm hồn, tính cách của con người xứ Phù Tang. Dễ dàng bắt gặp trong *Cố đô* thư xinh đẹp Chieko luôn mặc kimono theo mẫu vẽ của cha, đó là những mẫu phác thảo lấy ý tưởng từ thiên nhiên, đẹp mà giản dị cũng giống sự giản dị, thật thà đáng yêu của cô. “*Hôm ấy Chieko mặc chiếc kimono mà tím hoa cà màu dịu, và cái thắt lưng rộng bằng vải hoa mà cha nàng đã hào hứng tặng nàng*” [10; tr.632]. Hay ở một chỗ khác, chiếc kimono của Chieko hòa nhập giữa màu xanh tươi mơn mơn của đồi núi cùng với bước chân khoan thai khiến cho vẻ đẹp của nàng như được tôn lên “*đẹp tuyệt vời như các pho tượng Miroku*

ở giữa chùa *Chiugudgi* và *Koridgi*". Trong rất nhiều tác phẩm của mình, Kawabata cũng đã thể hiện niềm say mê với vẻ đẹp của kimono. Kimono trở thành biểu tượng cho người phụ nữ truyền thống Nhật Bản, bởi một chiếc kimono chỉ thực sự đẹp khi đi kèm với các chi tiết gắn liền với người phụ nữ, đó là vành khăn cuốn chặt vào người cùng dây đai to bản (gọi là obi), là guốc gỗ và mang bít tất màu trắng... Đặc biệt trong sáng tác của Kawabata, cái đẹp truyền thống luôn được đề cao, đó là cái đẹp thường ngày, giản dị hài hòa với thiên nhiên. Do vậy, những nhân vật người phụ nữ luôn chọn cho mình những chiếc kimono không quá cầu kì sắc sỡ. Đối với người Nhật, một chiếc kimono là một tác phẩm nghệ thuật, nó chính là sáng tạo độc đáo và tinh tế của những người nghệ sĩ. Nàng geisha Komako trong *Xứ tuyết* đẹp nhất và quyến rũ nhất khi phô diễn vẻ đẹp cơ thể và những thao tác cử chỉ trong từng điệu múa làm tôn lên vẻ đẹp tao nhã khi choàng lên cơ thể bộ trang phục truyền thống kimono. Với phụ nữ Nhật, có lẽ chỉ có geisha là đẹp nhất trong bộ kimono. Họ là những nghệ sĩ thực thụ, am hiểu văn hóa truyền thống, được rèn giũa từng cử chỉ thao tác di chuyển để làm nổi bật lên vẻ đẹp của trang phục và cơ thể mình. Komako dù không qua trường lớp nhưng ý thức trách nhiệm với công việc nên luôn tự rèn luyện, học tập không ngừng. Vì vậy, vẻ đẹp văn hóa truyền thống Nhật Bản được cô phô bày một cách sinh động nhất trong bộ kimono độc đáo của dân tộc. Kimono và sự uyển chuyển tinh tế của người mặc chính là biểu tượng cho chính thể của vẻ đẹp nữ tính, mang lại sự quyến rũ tự nhiên. Thiên nhiên và trang phục, trang phục và con người tìm được điểm tương đồng. Đó là sự hòa hợp đáng yêu dưới ngòi bút độc đáo của Kawabata. Hơn nữa, nhìn vào một chiếc áo kimono, ta có cảm tưởng nhìn được vào một thế giới thu nhỏ, thế giới được tạo ra từ những họa tiết sinh động trên tà áo, trên chiếc thắt lưng. Sự dụng công của người nghệ sĩ trên các họa tiết cho thấy sự hòa hợp gắn bó với thiên nhiên của con người Nhật Bản, mỗi chiếc kimono cũng như được hòa cùng nhịp với thời gian, với hoa cỏ, với các lễ hội. Có lẽ đây chính là lí do khiến *Cố đô* có nét tương đồng, gần gũi với những khoảnh khắc thoáng qua của đất trời trong thơ Haiku.

Kimono biểu tượng cho sự mai một của nghệ truyền thống

Kimono vốn được làm thủ công, hoàn toàn từ bàn tay khéo léo và tâm huyết của những người thợ tài ba. Nhưng trước cuộc xâm lăng của văn hóa Âu Mỹ, cùng máy móc thiết bị hiện đại, kimono được sản xuất hàng loạt, tạo ra những sản phẩm kém về chất lượng, thừa thải và rẻ tiền. "*Hãy xem những ai là người chuyên sản xuất thắt lưng bây giờ. Những người ấy, như Izukura chẳng hạn, có hẳn một công xưởng thực sự hiện đại - một xí nghiệp bốn tầng theo lối Âu Châu. Đứng ấy, họ dệt tới năm trăm cái thắt lưng mỗi ngày... Cứ cung cách này thì vài chục năm nữa, những thợ làm quen máy dệt tay chắc sẽ biến sạch*" [10; tr.616]. Nghề dệt may rơi vào khoảng trống khiến không ít gia đình lâm vào cảnh túng đói, cuộc sống rơi vào bế tắc. *Cố đô* đã từng là nơi chen chúc, chật chội của những xưởng dệt vải tí hon, là âm thanh ầm ầm của tiếng máy hoạt động thâu đêm suốt sáng. Vậy mà "*Từ mùa thu năm ngoái đến hết mùa xuân năm nay, nhiều hãng buôn vẫn mua vải may kimono sản xuất ở Nihonbashi đã theo nhau phá sản*" [10; tr.717]. Điều này cho thấy giá trị văn hóa truyền thống đang có nguy cơ mai một, suy vi. Cái đẹp đang kêu cứu. Takichiro đau xót,

trăn trở, cố trụ lại bằng cách vào chùa để tiêu dao ngày tháng, kì thực để quên đi công việc kinh doanh, cùng sự xô bồ của cuộc sống mà ông không thể nào thích nghi được: *“Tôi không thể nào chịu đựng được khi người ta cứ dùng những từ ngữ nước ngoài trong nghề chúng ta. Ở Nhật từ thượng cổ đã có cách cảm thụ màu sắc riêng biệt, tinh tế có cần diễn đạt bằng lời đâu”* [10; tr.615]. Có thể thấy, mỹ cảm tinh tế vốn là điểm mạnh của cư dân thành phố nay đã biến đổi theo trào lưu Phương Tây hiện đại. *“Sự thật là, thời gian gần đây người ta đâm ra cứ cố tình sáng chế thứ quần áo có họa tiết phi hài hòa”*. Thị hiếu của người dân cũng trở nên tầm thường đi đến nỗi để tồn tại cửa hiệu ông Takichiro cũng chỉ *“rất đồ trang phục bán cho người tiêu dùng thông thường”*... Mọi nét đẹp văn hóa của *Cố đô* đang dần dần bị thương mại hóa. Nghề dệt tay ở một mức độ nào đây là một nghệ thuật. Những đường dệt tinh xảo, chứa đựng cả tâm huyết của người thợ trong đó đã không còn được ưa chuộng, trân trọng. Người ta đua nhau khoác lên người thứ vải in hàng loạt mà mẫu mã luôn chạy theo thời thượng, thay đổi từng ngày. Takichiro cố để thay đổi thực tại, nhưng mọi cố gắng không chống lại được sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ Phương Tây. Cuối cùng Takichiro phải đóng cửa tiệm dệt trong day dứt, vô vọng. Tác giả kể tỉ mỉ câu chuyện Takichiro đã phải rời nhà đến ở trong ni viện u tịch để phác thảo ra những họa tiết cổ trên thắt lưng áo kimono cho cô con gái sắp bước vào tuổi hai mươi. Sau khi vẽ được họa tiết ưng ý, Takichiro lại chọn một xưởng dệt thủ công để thể hiện những mẫu hàng ấy. Ông dồn hết tâm huyết tình cảm dành cho cô con gái vào tác phẩm nghệ thuật của mình, và cô con gái nhỏ cũng đầy tinh tế, cảm nhận được sâu sắc sự ấm áp ấy của cha khi cho rằng đó là *“những tìm tòi đến tận những góc ngách sâu thẳm của tâm linh con người”* [10; tr.609]. Tác phẩm ấy, dấu dưới con mắt khoáng đạt của chàng trai trẻ Hideo cũng chưa thật sự hoàn hảo, nó cần phải tiếp thêm chút hơi ấm cho bức phác thảo không một chút sinh khí của ông. Nhưng người đọc vẫn dễ dàng nhận thấy Takichiro là một người hết mình cho những giá trị của quá khứ, kì công trong việc lưu giữ những nét đẹp truyền thống của dân tộc. Takichiro trở thành một *kẻ lữ hành* quen thuộc đi tìm cái đẹp trong sáng tác của Kawabata. Câu chuyện trong *Cố đô* là câu chuyện của quá khứ, của truyền thống, và con người luôn ở tâm thế của người muốn níu giữ trong cuộc hành hương đi tìm cái đẹp truyền thống. Quá khứ trở thành yếu tố cực kì quan trọng trong tác phẩm của Kawabata. Trong *Cố đô*, dường như các nhân vật luôn có xu hướng sống với quá khứ, hiện tại chỉ là duyên cớ để gọi về những gì đã qua. Và một *Cố đô* cổ kính thuần nhất dường như chỉ còn tồn tại trong hoài niệm, trong nỗi nhớ khắc khoải, khôn nguôi của con người về một miền kí ức. Không phải ngẫu nhiên, Kawabata kể một cách tỉ mỉ về sự kì công của ông Takichiro để lưu giữ được nét đẹp truyền thống của dân tộc trên họa tiết *kimono*. Những con người như Takichiro, Hideo, Riuxuke vẫn luôn đầy tâm huyết, say mê bất tận với từng sợi thắt lưng, với số phận của một ngành nghề truyền thống.

Cùng với những băn khoăn trăn trở của những người thợ dệt, Kawabata đã chạm vào thời đại mà mọi giá trị tinh thần đang có nguy cơ suy vi, mai một. Điều này cho thấy, nỗi nhớ về quá khứ, những kí ức tươi đẹp vẫn luôn nhắc nhở và ám ảnh không thôi đối với tâm hồn mỗi người Nhật, nó như một lời nhắc nhở người Nhật hãy luôn gìn giữ và trân trọng những gì là hồn cốt của dân tộc.

2.2.3. Hoa anh đào - biểu tượng của vẻ đẹp thiên nhiên và tâm hồn, tính cách Nhật

Cùng với rượu *sake*, *geisha*, *kimono*... *hoa anh đào* cũng là một trong những biểu tượng rất Nhật Bản. Loại cây giản dị có độ cao trung bình. Cây anh đào không có cái vẻ hùng vĩ của cây thông, vẻ rực rỡ của cây mận và vẻ duyên dáng yếu điệu của cây liễu, song *cây anh đào với hoa của nó* nở rộ trong một tuần vào mùa xuân lại phù hợp với tính đa cảm của người Nhật, tới mức *hoa anh đào* đã trở thành đồng nghĩa với thế giới của loài hoa. Theo tinh thần của mùa *hoa anh đào*, mỗi năm một lần người Nhật Bản dành trọn vẹn mình cho một cuộc vui chơi thoải mái, thổ lộ hết mình như một ánh sao băng lóe sáng vậy. *Hoa anh đào* ngay khi đạt đến độ nở đẹp nhất của mình, những bông hoa bắt đầu rụng xuống, theo những cơn gió xuân bất chợt và trải xuống theo những giọt mưa xuân. *Hoa anh đào* rụng một cách khoan dung, buồn bã và hùng hồn. Khoan dung vì chỉ sau vài ngày nở rộ, bông hoa bắt đầu tàn héo. Buồn vì những cánh hoa rụng xuống, theo truyền thống vẫn nhắc người ta nhớ tới những cuộc đời ngắn ngủi. Hùng hồn vì bông hoa có cuộc đời ngắn ngủi này đã khẳng định một nét thẩm mỹ rất tự hào của người Nhật Bản, rằng những gì tốt đẹp trong thiên nhiên cũng như trong cuộc đời thường hiếm khi tồn tại lâu, rằng chính sự tàn phai sớm cũng là một nét đẹp và rằng nỗi luyến tiếc về những cuộc đời đã tắt lụi đúng ở đỉnh cao của nó chính là cái đẹp cao cả nhất.

Theo “Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới”: “*anh đào nở hoa - một cảnh tượng tự nhiên được sùng mộ nhất của cái đẹp trong trắng... Hoa của cây sakura là biểu tượng của sự trong trắng, trong sạch, chính vì lý do ấy mà nó trở thành biểu hiện của người võ sĩ, của lý tưởng hiệp sĩ...*” không chỉ gợi những xúc cảm thẩm mỹ thuần túy, như người ta có thể giả định, căn cứ vào cây *hoa anh đào* ở Nhật Bản là một thứ cây chỉ ra hoa, không ra quả” [1; tr.9].

Trong tác phẩm *Cố đô*, *hoa anh đào* là một biểu tượng cho thiên nhiên nguyên sơ, trinh bạch đối lập với thế giới đô thị phồn hoa, ồn ào, bụi bặm. Câu chuyện về lễ hội *hoa anh đào* mùa xuân được Kawabata kể một cách say sưa và thói quen ngắm *hoa anh đào* ở các ngôi chùa cổ của người Nhật chính là nét đẹp văn hóa truyền thống. Chúng ta dễ dàng nhận thấy, quá khứ hiện ra sinh động trong hiện tại dưới hình thức các lễ hội: “Ở Kyoto là nơi có bao nhiêu chùa cổ Phật giáo và Thần đạo như vậy, hầu như không ngày nào là không có hội chùa lớn nhỏ. Cứ trông lịch tháng năm là đủ thấy - chả có ngày nào không khỏi ngày lễ” [10; tr.631]. Dù thời cuộc đổi khác, nhưng dường như đã trở thành nếp sống, người dân Cố đô vẫn cố gắng cùng gia đình duy trì những thói quen tao nhã là ngắm hoa ở những ngôi chùa cổ. Bốn mùa trong năm, mỗi mùa một vẻ, một mùa lễ hội khác nhau dân thành cổ đều có cách riêng để thưởng thức. Đặc biệt là mùa xuân, ngắm *hoa anh đào* nở, đây được coi là ngày hội dành cho sự giao hòa giữa tâm hồn con người và đất trời, với họ “Dù sao thế gian này cũng chẳng còn gì đẹp hơn *anh đào nở hoa*”; “*hoa anh đào* ở Omura được mệnh danh là trắng buổi bình minh, chúng khai hoa muộn hơn những nơi khác ở Cố đô” nhưng mãnh liệt khác thường; “*phải chăng cũng là để Kyoto chưa phải vội chia tay với hoa?*” [10; tr.584]... Điều này cho thấy, nỗi nhớ về quá khứ, những kí ức tươi đẹp vẫn luôn nhắc nhở và ám ảnh không thôi đối với tâm hồn mỗi người Nhật, nó như một lời nhắc nhở người Nhật hãy luôn gìn giữ và trân trọng những gì đã là hồn cốt của dân tộc.

Trong *Cố đô*, hình ảnh *hoa anh đào* cũng chính là hình ảnh biểu tượng cho nét đẹp trong sáng, thanh tân của nhân vật Naeko. Một tâm hồn nhạy cảm, đắm say với thiên nhiên cảnh vật. Chiêm ngưỡng ngắm nhìn vẻ đẹp của thiên nhiên, của *hoa anh đào* bằng tình cảm sâu thẳm của một người con luôn rất dỗi yêu mến và tự hào về một thành cổ đầy thiêng liêng. “*Cánh rừng nhỏ những cây anh đào rủ đã tô điểm cho khu vườn một vẻ riêng biệt. Không phải vô cớ mà giờ đây người ta nói: Cố đô có nhiều loài hoa, duy chỉ có hoa anh đào đủ thủ thi cùng ta: đây mới đích xuân sang*” [10; tr.585]. Có thể thấy, khung cảnh thiên nhiên đẹp đẽ đồng nhất với vẻ đẹp của tình người: “*Thật vậy, cây anh đào đẹp lạ thường. Nó đứng đó, buông cành chẳng khác nào một cây liễu rủ. Chieko bước vào dưới tán che của nó, và một cơn gió nhẹ làm rớt xuống vai nàng, xuống bên chân nàng mấy cánh hoa. Những bông hoa rụng phủ đầy mặt đất phía dưới cây anh đào, bảy tám bông gì đó dập dờn trên mặt nước. Có sào trúc chống đỡ cành, vậy mà những đầu cành thanh mảnh, kết đầy hoa, vẫn rủ sát đất*”.

Nhưng dường như không gian thiên nhiên với vẻ đẹp vô thường của nó chính là nguyên nhân độc giả luôn đọc được trong tâm trạng nhân vật Kawabata là nỗi ám ảnh truyền thống về sự phù du ngắn ngủi của kiếp người. “*Hoa anh đào cánh mỏng và chóng tàn, chỉ cần một cơn gió thoảng qua là đã rụng, ở Nhật Bản biểu trưng cho cái chết lý tưởng, không vương vấn với những lợi ích trần gian, và cả cho sự sống mong manh, vô thường*” [1; tr.9]. Say sưa bởi vẻ đẹp khó cưỡng của hoa, nhưng ngay cả lúc đang chiêm ngưỡng con người đã cảm thấy cái bóng của sự tàn phai, cảm nhận cái buồn se sắt ám ảnh trước cảnh vật. Đặc biệt khi *Cố đô* đang oằn mình trước sự tấn công của văn hóa Phương Tây, thì những ám ảnh càng trở nên rõ nét đối với những con người thuộc về văn hóa *Cố đô* như ông Takichiro. Ngay cả cách mà con người đối xử với cỏ cây hoa lá cũng không còn cái tinh tế dịu dàng như xưa; người ta không còn thưởng hoa theo cách đã từng làm, giờ đây khách đến thưởng hoa thì ít mà “*ăn uống rồi hát hò oang oang*”. Để rồi, cứ sau mỗi mùa *anh đào* nở, cảnh vườn chùa trông thật thảm hại với những xác hoa phai úa trộn lẫn với biết bao rác rưởi mà du khách bỏ lại. Viết về *hoa anh đào* trong tâm thế của người nuôi tiếc về giá trị truyền thống, về quá khứ tươi đẹp của dân tộc, người đọc càng thêm yêu mến, trân trọng tấm lòng nhà văn, tấm lòng một người con của nền văn hóa *Cố đô*. Vì vậy, *hoa anh đào* trở thành biểu tượng của giá trị nhân văn cao đẹp, đáng quý, đáng trân trọng của nền văn hóa Nhật Bản.

3. KẾT LUẬN

Có thể nói, *kyoto, kimono, hoa anh đào* trong *Cố đô* qua bàn tay nhào nặn tài hoa của Kawabata đã trở thành những biểu tượng gắn với niềm tự hào của người dân xứ sở *hoa anh đào* về nền văn hoá đặc sắc của họ. Vì vậy, việc tiếp cận tác phẩm của Kawabata ở góc độ biểu tượng thực sự đã giúp người đọc khám phá ra chiều sâu vẻ đẹp với nhiều điều bí ẩn của văn hóa truyền thống Nhật Bản trong tác phẩm cũng như đặc điểm phong cách nghệ thuật của nhà văn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Vĩnh Cư, Nguyễn Xuân Giao, Lưu Huy Khánh, Nguyễn Ngọc, Vũ Đình Đình, Nguyễn Văn Vỹ (dịch) (1997), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.

- [2] Lại Nguyên Ân (1999), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [3] Trần Lê Bảo (2011), *Giải mã văn học từ mã văn hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [4] Trần Lê Bảo (2010), Giải mã tác phẩm “Người đẹp say ngủ” của Y.Kawabata (Từ chủ đề cứu thế), *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 3, trang 51-62.
- [5] Lê Nguyên Cẩn (2014), *Tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [6] Đinh Hồng Hải (2014), *Nghiên cứu biểu tượng, một số hướng tiếp cận lý thuyết*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- [7] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (chủ biên) (1992), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Đào Thị Thu Hằng (2007), *Văn hóa Nhật Bản và Yasunary Kawabata*, Nxb. Giáo dục, thành phố Hồ Chí Minh.
- [9] Yasunary Kawabata (1998), *Cuộc đời và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Yasunary Kawabata (2005), *Tuyển tập tác phẩm*, Nxb. Lao động - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [11] Trần Tổ Loan (2006), Cái đẹp truyền thống Nhật Bản trong sáng tác của Y. Kawabata, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 1, trang 67-71.
- [12] Viện ngôn ngữ học (2002), Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.

THE INFLUENCE OF JAPANESE CULTURE ON LITERATURE - AN OBSERVATION FROM KAWABATA’S NOVEL “THE OLD CAPITAL”

Nguyen Thi Thanh Nga

ABSTRACT

This paper explores the indications of Japanese culture in The Old Capital by Kawabata, with typical emblems: old capital, kimono, cherry blossom. Based on the concept of artistic creation and the desire to create cultural values via the writer’s symbols, the approach of selecting and decoding emblems in literary writings is appropriate to help readers comprehend the beauty of Japanese culture and people.

Keywords: *Symbols, Japanese culture, The Old Capital, Kawabata.*

* Ngày nộp bài: 22/10/2020; Ngày gửi phản biện: 2/11/2020; Ngày duyệt đăng: 15/12/2020